

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT

Ngày: 18 - 6 - 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà Trương Tổ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị L: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng: Ông Lê Hoàng P, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

3. Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

5. Bà Dương Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

6. Ông Đoàn Văn T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

7. Bà Đoàn Thị Huỳnh N3, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị T, ông Đoàn Văn T2, bà Đoàn Thị Huỳnh N3: Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp T, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020) (có mặt).

8. Bà Huỳnh Thị Bích T3, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

9. Bà Huỳnh Thị Bích N2, sinh năm 2002. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Bích T3, bà Huỳnh Thị Bích N2: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019) (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đoàn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án của nguyên đơn là ông Đoàn Văn S trình bày:*

Cha mẹ ông Đoàn Văn S là cụ Đoàn Văn B, sinh năm 1929 (chết năm 1964) và cụ Trần Thị H, sinh năm 1932 (chết vào tháng 3 năm 2000). Quá trình

chung sống cha mẹ ông có 5 người con chung gồm: ông Đoàn Văn S, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1952; bà Đoàn Thị X, sinh năm 1957; bà Trần Thị N, sinh năm 1968; bà Đoàn Thị L, sinh năm 1975.

Lúc còn sống cụ Trần Thị H có đứng tên trong các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau: Thửa đất số 177, diện tích 1.460m² (phần đất này đã được thu hồi và giải tỏa và đã có chỉnh lý về quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T), đất tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi cụ Trần Thị H chết thì ông S cùng các người con khác của cụ H tiến hành họp gia đình và thống nhất giao toàn bộ phần thửa số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T) cho ông S được hưởng thừa kế toàn bộ đồng thời các anh chị em ông có làm tờ hợp gia tộc cùng ký tên xác nhận để làm tin. Hiện phần đất thửa số 1097 ông đang canh tác, quản lý sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Ngoài ra, cụ Trần Thị H còn có một phần đất ruộng diện tích khoảng 5.385,5m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Đối với phần đất ruộng này, trong lúc còn sống cụ Trần Thị H có cho ông khoảng 1.296m² và cho bà Đoàn Thị X 1.000m² cả hai phần đất này ông và bà Đoàn Thị X đã sang nhượng lại cho bà Đoàn Thị L (phần đất này ông không tranh chấp). Riêng phần đất có diện tích còn lại hơn 3.000m² mà cụ Trần Thị H đã cho bà Đoàn Thị L mượn canh tác, tuy nhiên không biết vì lý do gì, bà Đoàn Thị L tự ý đi kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà L đứng tên tại các thửa đất: Thửa đất số 1107, diện tích 2.600m², đất 2L và thửa đất số 1108, diện tích 650m², đất LNK. Hai thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp ngày 17/5/2000.

Đối với thửa đất số 1107, diện tích 2.600m², Ủy ban nhân dân huyện K đã tiến hành thu hồi, giải tỏa đền bù đồng thời bà L đã nhận toàn bộ số tiền đền bù là 450.000.000 đồng.

Riêng thửa đất số 1108, diện tích 650m² đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa 214, tờ bản đồ số 42, diện tích 710,3m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do hộ bà Đoàn Thị L đứng tên theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Phần đất này do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho cụ Trần Thị H, sau khi cụ H chết thì chưa chia cho ai).

Ông Đoàn Văn S yêu cầu giải quyết:

- Yêu cầu xác định tờ hợp gia tộc, có xác nhận của Ban nhân dân ấp B xác nhận ngày 02/8/2010 là hợp pháp, đồng thời yêu cầu chia thừa kế phần di sản mà cụ Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T) cho ông được nhận toàn bộ phần di sản này cùng toàn bộ cây trồng có trên đất. Phần di sản mà ông yêu cầu được nhận có giá trị 70.000.000 đồng.

- Yêu cầu xác định các thửa đất gồm: Thửa đất số 1107, diện tích 2.600m², đất 2L (đã bị thu hồi) và thửa đất số 1108, diện tích 650m², đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa đất là 214, tờ bản đồ số 42, diện tích 710,3m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế do cụ Trần Thị H để lại, phần đất này chưa chia cho anh chị em nào.

Yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất nêu trên, cụ thể:

+ Đối với thửa đất số 1107, diện tích 2.600m², đất 2L, do bị thu hồi và bà L đã nhận tiền bồi thường nên ông yêu cầu được nhận phần thừa kế bằng giá trị với số tiền khoảng 50.000.000 đồng.

+ Đối với thửa đất số 1108, diện tích 650m², đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa đất là 214, tờ bản đồ số 04, diện tích 710,3m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thì yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật và xin nhận bằng hiện vật là diện tích đất, giá trị phần thừa kế mà ông được nhận tại thửa này khoảng 50.000.000 đồng.

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau đây:

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thửa số 1107, diện tích 2.600m² và thửa 1108, diện tích 650m², tờ bản đồ số 04, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L ngày 17/5/2000.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Thửa số 214, diện tích 710,3m², tờ bản đồ số 42, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L ngày 10/9/2013.

** Theo đơn phản tố 28/10/2021, Đơn yêu cầu ngày 29/6/2020 và các lời trình bày có trong hồ sơ vụ án, bị đơn Đoàn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Huỳnh Văn H trình bày:*

Mẹ bà Đoàn Thị L là cụ Trần Thị H, sinh năm 1937, chết ngày 21/3/2001. Cụ H cùng chồng (không rõ họ tên) có người con tên là Nguyễn Thị Kim A. Sau đó, cụ H chung sống với cụ Đoàn Văn B (chết năm 1967) có 01 người con tên là Đoàn Thị X. Tiếp đó, cụ H tiếp tục chung sống với 03 người khác thì lần lượt có các con gồm: ông Đoàn Văn S, bà Trần Thị N và bà Đoàn Thị L.

Bà Đoàn Thị L chung sống với cụ Trần Thị H từ nhỏ. Trước khi cụ H chết có cho đất ông Đoàn Văn S và bà Đoàn Thị X nhưng cả hai đã sang nhượng hết cho bà L. Ngoài ra, cụ H có cho bà L 02 thửa đất số 1107, 1108 và chính cụ H đã đi lập thủ tục sang tên cho bà L. Như vậy, cụ Trần Thị H chỉ còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 177 và 1097, tuy nhiên, thửa đất số 177 đã được thu hồi để làm khu công nghiệp, chỉ còn thửa 1097 hiện đang tranh chấp.

Nay bà Đoàn Thị L yêu cầu xác định di sản thừa kế do mẹ ruột là Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150m², đồng ý chia phần di sản này cho các hàng thừa kế của cụ Trần Thị H và bà L xin nhận một kỷ phần tương ứng. Không đồng ý các yêu cầu của ông S đòi xác định các thửa đất gồm: Thửa đất số

1107, diện tích 2.600m², đất 2L (đã bị thu hồi) và thửa đất số 1108, diện tích 650m², đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa đất là 214, tờ bản đồ số 42, diện tích 710,3m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế do cụ Trần Thị H để lại. Không đồng ý các yêu cầu của ông S đòi hủy các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau đây:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Thửa số 1107, diện tích 2.600m² và thửa 1108, diện tích 650m², tờ bản đồ số 04, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L ngày 17/5/2000.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Thửa số 214, diện tích 710,3m², tờ bản đồ số 42, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L ngày 10/9/2013.

Ngoài ra, bà Đoàn Thị L yêu cầu Tòa án xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 26,1m² (theo sơ đồ đo đạc) là thuộc quyền sử dụng của bà Đoàn Thị L nằm trong thửa 214, tờ bản đồ số 42.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 02/3/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Bà Kim A yêu cầu xác định di sản thừa kế do mẹ ruột là Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150m², đồng ý chia phần di sản này cho các hàng thừa kế của cụ Trần Thị H và bà X xin nhận một kỷ phần tương ứng.

Đối với các phần đất khác mà bà L đã đứng tên, Bà Kim A không tranh chấp vì đây là tài sản của mẹ bà là Trần Thị H đã tặng cho bà Đoàn Thị L một cách hợp pháp.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 24/02/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị X trình bày:

Bà X yêu cầu xác định di sản thừa kế do mẹ ruột là Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150m², đồng ý chia phần di sản này cho các hàng thừa kế của cụ Trần Thị H và bà X xin nhận một kỷ phần tương ứng.

Đối với các phần đất khác mà bà L đã đứng tên, bà X không tranh chấp vì đây là tài sản của mẹ bà là Trần Thị H đã tặng cho bà Đoàn Thị L một cách hợp pháp.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 30/10/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày:*

Bà N yêu cầu xác định di sản thừa kế do mẹ ruột là Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m² (gồm 1.300m² đất LNK và 300m² đất T), diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150m², đồng ý chia phần di sản này cho các hàng thừa kế của cụ Trần Thị H và bà N xin nhận một kỷ phần tương ứng.

Đối với các phần đất khác mà bà L đã đứng tên, bà N không tranh chấp vì đây là tài sản của mẹ bà là Trần Thị H đã tặng cho bà Đoàn Thị L một cách hợp pháp.

** Theo bản tự khai ngày 02/3/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T, anh Đoàn Văn T2 và chị Đoàn Thị Huỳnh N3, người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T2 và bà N3 là ông Đoàn Văn S trình bày:*

Thửa đất 1097, diện tích 1600m² là tài sản của cụ Trần Thị H. Mặc dù bà Dương Thị Thúy, anh Đoàn Văn T2 và Đoàn Thị Huỳnh N3 là thành viên hộ gia đình của cụ Trần Thị H nhưng không có đóng góp gì đối với thửa đất 1097 đang tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T2, bà N3 là ông Đoàn Văn S không có ý kiến gì bổ sung. Thống nhất theo nội dung ông S đã trình bày nêu trên.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 đã quyết định: Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 102, Điều 104, Điều 106, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175, Điều 176, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về việc công nhận văn bản “Tờ hợp gia tộc có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010” là văn bản thỏa thuận phân chia di sản.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1107 và thửa 1108, tờ bản đồ số 04, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 214, tờ

bản đồ số 42, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về việc xác định thửa đất số 1107, diện tích 2.600m^2 , đất 2L (đã bị thu hồi), thửa đất số 1108, diện tích 650m^2 , đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa đất là 214, tờ bản đồ số 42, diện tích $710,3\text{m}^2$, tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế do cụ Trần Thị H.

[4] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L. Xác định phần đất có diện tích $26,1\text{m}^2$ là thuộc quyền sử dụng của hộ bà Đoàn Thị L, nằm trong thửa đất số 214, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $710,3\text{m}^2$, diện tích theo đo đạc thực tế là $710,3\text{m}^2$. Phần diện tích $26,1\text{m}^2$ có tọa độ 3, 4, 7, 3 (có sơ đồ kèm theo).

[5] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N.

Xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất sau:

Thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 4, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1600m^2 , diện tích theo đo đạc thực tế là $1.150,0\text{m}^2$, mục đích sử dụng: T + LNK và 50 cây nhãn long loại B là di sản do cụ Trần Thị H để lại chưa chia. Phần đất $1.150,0\text{m}^2$ có tọa độ 1, g, 7, 3, 2, a, 1 (có sơ đồ kèm theo).

[6] Chia phần di sản của cụ Trần Thị H để lại cho cho những người thừa kế gồm:

- 1/ Ông Đoàn Văn S,
- 2/ Bà Nguyễn Thị Kim A,
- 3/ Bà Đoàn Thị X,
- 4/ Bà Đoàn Thị L,
- 5/ Bà Trần Thị N,

[7] Cách chia cụ thể như sau:

Phần A: Chia cho ông Đoàn Văn S quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 4, diện tích còn lại theo đo đạc thực tế là $1.095,8\text{m}^2$, mục đích sử dụng: T: 300m^2 + LNK: $795,8\text{m}^2$ và 50 cây nhãn long loại B. Phần đất $1.095,8\text{m}^2$ có tọa độ a, b, d, e, f, g, 7, 3, 2, a. (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Đoàn Văn S phải thanh toán lại phần chênh lệch giá trị di sản mà ông S được nhận so với giá trị kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật với số tiền 21.461.500 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim A.

Buộc ông Đoàn Văn S phải thanh toán lại phần chênh lệch giá trị di sản mà ông S được nhận so với giá trị kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật với số tiền 21.461.500 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng) cho bà Đoàn Thị X.

Buộc ông Đoàn Văn S phải thanh toán lại phần chênh lệch giá trị di sản mà ông S được nhận so với giá trị kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật với số tiền 21.461.500 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng) cho bà Đoàn Thị L.

Buộc ông Đoàn Văn S phải thanh toán lại phần chênh lệch giá trị di sản mà ông S được nhận so với giá trị kỷ phần chia thừa kế theo pháp luật với số tiền 21.461.500 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng) cho bà Trần Thị N.

+ Phần B: Chia cho ông Đoàn Văn S, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X, bà Đoàn Thị L và bà Trần Thị N quyền sử dụng phần đất mộ có diện tích 54,2m². Phần đất 54,2m² có tọa độ 1, a, b, c, d, e, f, g, 1. (có sơ đồ kèm theo).

[8] Ngay sau khi ông Đoàn Văn S thanh toán xong toàn bộ phần nghĩa vụ trả tiền tương ứng của ông S theo quyết định của bản án cho bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X, bà Đoàn Thị L và bà Trần Thị N thì ông Đoàn Văn S có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia tại thửa đất số 1097 với diện tích 1.095,8m², mục đích sử dụng: T: 300m² + LNK: 795,8m². Đồng thời, ông Đoàn Văn S được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, chiếm hữu, canh tác 50 cây nhãn long có trên đất diện tích **1.095,8m²** được chia.

[9] Ông Đoàn Văn S, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X, bà Đoàn Thị L và bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia tại thửa đất số 1097 với diện tích 54,2m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 04/02/2021 nguyên đơn Đoàn Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn S, không chấp nhận đơn phản tố của bà Đoàn Thị L và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N về việc phân chia theo pháp

luật cho hàng thừa kế là các người con của cụ Trần Thị H tại thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 04, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1600m², diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150,0m² và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Đoàn Văn S là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Đoàn Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất là ranh giới giữa thửa đất số 214 do bà Đoàn Thị L đứng tên và thửa đất số 1097 do cụ Trần Thị H đứng tên hiện do ông Đoàn Văn S quản lý, sử dụng:

[2.2] Theo Kết luận giám định số 180/PC09-GĐ ngày 15/8/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng xác định: “Chữ ký mực màu xanh đen mang tên Đoàn Văn S dưới cột “Ký tên” ở dòng 4 theo “TT” (từ trên đếm xuống) trong bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng), ngày ... tháng ... năm 2009, mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Đoàn Văn S trong các mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M7) do cùng một người ký và viết ra”, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất 214 có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị L thể hiện diện tích là 710,3m², chiều dài cạnh giáp đất ông Thân Văn T4 là 22,33m, được ông Đoàn Văn S ký tên hộ giáp ranh (theo kết luận giám định số 180). Trong khi đó, theo sơ đồ đo đạc thực tế thì diện tích thửa đất 214 của bà Đoàn Thị L cũng là 710,3m², chiều dài cạnh giáp đất ông Thân Văn T4 là 22,34m (theo sự chỉ ranh của bà Đoàn Thị L – bút lục 353). Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định, ranh giới đất tại vị trí tranh chấp theo chỉ dẫn của bà Đoàn Thị L là chính xác và đúng sự thật. Bởi lẽ, vị trí và chiều dài của cạnh giáp đất ông Thân Văn T4 trước đây ông Đoàn Văn S ký tên xác nhận vào năm 2009. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ranh giới giữa thửa đất số 214 do bà Đoàn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 1097 do cụ Trần Thị H đứng tên, do ông Đoàn Văn S quản lý, canh tác là tại vị trí 3 do bà L chỉ ranh, đồng thời phần đất đang tranh chấp có diện tích là 26,1m² là thuộc quyền sử dụng của bà Đoàn Thị L, nằm trong quyền

sử dụng thửa đất số 214 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu công nhận văn bản “Tờ hợp gia tộc có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010” là văn bản thỏa thuận phân chia di sản và chia di sản thừa kế theo nội dung văn bản “Tờ hợp gia tộc có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010” của ông Đoàn Văn S:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn S cung cấp văn bản “Tờ hợp gia tộc có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010” do ông S viết. Bà Đoàn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N đều có ý kiến không thừa nhận chữ ký, chữ viết có trong “Tờ hợp gia tộc” là do các bà ký và viết tên. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông S không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong “Tờ hợp gia tộc”, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/4/2021 ông S yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong “Tờ hợp gia tộc”, các đương sự bà Đoàn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N đều đồng ý cung cấp chữ ký để tiến hành giám định. Tòa án cấp phúc thẩm thông báo cho các đương sự cung cấp chữ ký từ giai đoạn năm 2007 đến năm 2013 để đối chiếu nhưng các đương sự đều không cung cấp được. Do đó, không thể tiến hành giám định như ông S yêu cầu. Việc không tiến hành giám định được là do các đương sự không cung cấp được chữ ký nên các đương sự bà Đoàn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N phải chịu hậu quả pháp lý đối với chứng cứ do ông S cung cấp.

[3.2] “Tờ hợp gia tộc” có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010. Tại Bản tự khai ngày 22/01/2020 (bút lục 323) ông Nguyễn Văn C trình bày: *“Trước đây từ khoảng năm 2006 đến năm 2014 tôi tham gia Ban nhân dân ấp B Thị trấn A chức vụ Phó ban nhân dân. Vào khoảng năm 2010 các anh chị em của Đoàn Văn S gồm Đoàn Thị Kim X, Đoàn Thị L, Đoàn Thị Kim A và Đoàn Thị N cùng thống nhất tờ hợp gia tộc và cung ký tên. Khi các anh chị em của ông S lập tờ hợp gia tộc và ký tên thì tôi có chứng kiến. Tôi khẳng định chữ ký của các anh chị em của ông S là do họ ký. Sau khi họ ký xong tôi có xác nhận với nội dung: Tờ hợp gia tộc của đ/s Đoàn Văn S nêu trên và năm chữ ký ngang đây là đúng sự thật và tôi có ký tên. Tôi khẳng định tờ hợp gia tộc này là do các anh chị em của ông S làm để phân chia đất đai do cha mẹ để lại”*. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với ông Ninh Đắc L có nội dung: *“Tôi làm cán bộ Tư pháp xã A từ năm 1996 đến năm 2007 nghỉ hưu, sau đó tôi tiếp tục hợp đồng lại với Ủy ban nhân dân xã. Tờ văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và tờ phân chia tài sản thừa kế ngày 03/8/2010 do tôi làm tham mưu trình cho ông Nguyễn Văn Đ là Chủ tịch UBND xã ký. Văn bản trên do đoàn đo đạc chính quy đo đạc cho từng hộ dân đem đến đã có chữ ký sẵn của các đương sự đã ký trong hai văn bản trên, các đương sự đều không có mặt...”*. Do đó, có cơ sở xác định sau khi cụ Trần Thị H qua đời thì các con của cụ H đã lập tờ hợp gia tộc, văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và tờ phân chia tài sản thừa kế thống nhất giao cho ông Đoàn Văn S được thừa hưởng toàn bộ thửa đất số 1097. Việc tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về xác định tờ hợp gia tộc, có xác nhận của Ban nhân dân ấp B xác nhận ngày 02/8/2010

là hợp pháp, đồng thời yêu cầu chia thừa kế phần di sản mà cụ Trần Thị H để lại là thửa đất số 1097, diện tích 1.600m^2 (gồm 1.300m^2 đất LNK và 300m^2 đất T) cho ông được nhận toàn bộ phần di sản này cùng toàn bộ cây trồng có trên đất là không xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ trong vụ kiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S. Nên kháng cáo của ông S đối với yêu cầu này là có căn cứ Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1107 và thửa 1108, tờ bản đồ số 04, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 214, tờ bản đồ số 42, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013:

[4.1] Tại phiên Tòa, ông Đoàn Văn S, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X, bà Đoàn Thị L và bà Trần Thị N đều xác định và thừa nhận: “Cụ Trần Thị H có đứng tên và tạo lập được quyền sử dụng đất tại thửa 177, diện tích theo giấy chứng nhận là 4.060m^2 và tại thửa 1097, diện tích theo giấy chứng nhận là 2250m^2 , cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp B, xã (thị trấn) A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài 02 thửa đất này thì cụ Trần Thị H không có phần đất nào khác.” Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[4.2] Bên cạnh đó, trong Biên bản xác minh, Giấy hợp đồng ủy quyền (bút lục 276, 277 có thể hiện thông tin: “...thửa 177, diện tích 4.060m^2 ...”. Tuy nhiên, căn cứ vào toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 177 cấp cho cụ Trần Thị H vào năm 1999, so với thửa 177 cấp cho cụ H vào năm 2000, cùng với thửa 1107 cấp cho bà Đoàn Thị L vào năm 2000 thì các thửa đất này là cùng một vị trí và có tổng diện tích là 4.060m^2 . Như vậy, thông tin “...thửa 177, diện tích 4.060m^2 ...” trong “Biên bản xác minh, Giấy hợp đồng ủy quyền” và thông tin thửa 177, diện tích 4.060m^2 được cấp giấy chứng nhận cho cụ Trần Thị H vào năm 1999 là một thửa đất.

[4.3] Ông Đoàn Văn S thừa nhận: “khi còn sống, cụ Trần Thị H có cho ông phần đất tại thửa 177, diện tích 1.460m^2 , tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Trần Thị H vào ngày 17/5/2000, đối với thửa đất này, ông S đã sang nhượng cho bà Đoàn Thị L”. Đối với thửa 177, diện tích 1.460m^2 , do ông S, bà Kim A, bà X, bà L và bà N đều không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.4] Vào năm 1999 cụ Trần Thị H có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất 177, diện tích 4.060m^2 và đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận cho cụ H. Tiếp đến, ngày 24/01/2000, cụ Trần Thị H có lập “Giấy hợp đồng ủy quyền” cho bà Đoàn Thị L nội dung như sau: “... Ủy quyền cho thửa đất số 177, diện tích 2.600m^2 , loại đất Lúa và hộ bà Đoàn Thị L được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1107, diện tích 2.600m^2 và thửa 1108, diện tích 650m^2 vào ngày 17/5/2000 và cũng sau đó, thửa 1107 bị thu hồi theo Quyết định 121/QĐ-UB ngày 27/7/2007

của Ủy ban nhân dân huyện K, riêng thửa đất số 1108 thì được cấp đổi thành thửa 214, diện tích 710,3m² cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 20/9/2013.

[4.5] Theo Kết luận giám định số 5190/C09B ngày 04/12/2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “...Dấu vân tay màu đỏ bên trái đứng tên Trần Thị H, dưới mục “Bên ủy quyền” trên ký hiệu A bị nhoè, không đủ yếu tố giám định; Dấu vân tay màu đỏ bên phải đứng tên Trần Thị H, dưới mục “Bên ủy quyền” trên tài liệu ký hiệu A với dấu vân tay ngón trỏ phải trên tài liệu M1, M2 là cùng một người để lại”. Như vậy, một trong hai dấu vân tay trong “Giấy Hợp đồng ủy quyền ngày 24/01/2000 là của bà Trần Thị H là đúng sự thật. Cho nên, việc cụ Trần Thị H có ý kiến ủy quyền cho bà Đoàn Thị L phần diện tích 2.600m² và phần diện tích 650m² là hoàn toàn hợp pháp và đúng theo ý chí của cụ Trần Thị H cũng như sự thừa nhận của những người con còn lại của cụ H là bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N.

[4.6] Bên cạnh đó, Công văn số 89/UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn A xác định: “ Sổ bộ lưu đăng ký khai tử và Tờ đơn xin đăng ký khai tử quá hạn cho bà Trần Thị H đều thể hiện nội dung đã chết vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 21/3/2000”. Còn theo hình bia mộ cụ Trần Thị H thể hiện chết ngày 21/03/2001 âm lịch (nhằm ngày 14/4/2001 dương lịch). Cả thời điểm xác định ngày chết của cụ Trần Thị H đều sau ngày cụ H xác lập và điền chỉ vào “Giấy Hợp đồng ủy quyền ngày 24/01/2000”.

[4.7] Ngoài ra, tại Công văn số 506/UBND-VP ngày 08/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện K có ý kiến như sau: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1107, diện tích 2.600m² và thửa 1108, diện tích 650m², tờ bản đồ số 04 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000, đất tọa lạc tại ấp B, xã A (nay là thị trấn A), huyện K, tỉnh Sóc Trăng là đúng trình tự, thủ tục đúng quy định tại thời điểm hộ bà Đoàn Thị L kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 214, diện tích 710,3m², tờ bản đồ số 42 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013, đất tọa lạc tại ấp B, xã A (nay là thị trấn A), huyện K, tỉnh Sóc Trăng là đúng trình tự, thủ tục đúng quy định tại thời điểm hộ bà Đoàn Thị L kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận.

[4.8] Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định việc cụ Trần Thị H ủy quyền cho bà Đoàn Thị L quyền sử dụng đất và bà Đoàn Thị L kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1107, diện tích 2.600m² và thửa 1108, diện tích 650m², tờ bản đồ số 04 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000 và sau đó là quyền sử dụng đất tại thửa 214, diện tích 710,3m², tờ bản đồ số 42 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013 là hoàn toàn hợp pháp và đúng trình tự thủ tục tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc cụ Trần Thị H ủy quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị L là hoàn toàn hợp lệ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về xác định quyền sử dụng đất tại thửa 1107, diện tích 2.600m² và thửa 1108, diện tích 650m², tờ bản đồ số 04 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000 và cấp

đổi lại quyền sử dụng đất tại thửa 214, diện tích 710,3m², tờ bản đồ số 42 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013 là di sản do cụ Trần Thị H để lại là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên kháng cáo của ông Đoàn Văn S về yêu cầu này Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn S theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn S, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Đoàn Thị L và không chấp nhận yêu cầu độc lập của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X và Trần Thị N.

[6] Chi phí giám định: Ông Đoàn Văn S phải chịu 4.520.000 đồng, ông S đã nộp đủ.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng cộng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, là 12.763.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên nguyên đơn Đoàn Văn S phải chịu một phần chi phí tố tụng là 3.600.000 đồng. Bị đơn Đoàn Thị L phản tố không được chấp nhận, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X và Trần Thị N yêu cầu độc lập không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 2.290.750 đồng. Do bà Trần Thị N đã nộp tạm ứng trước 9.163.000 đồng, nên bà N được nhận lại số tiền nộp thừa là 6.872.250 đồng do các bà Đoàn Thị L, Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X giao nộp.

[8] Về án phí: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm cần được sửa lại như sau: Nguyên đơn Đoàn Văn S phải chịu 600.000 đồng, bị đơn Đoàn Thị L và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X và Trần Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kim A và Đoàn Thị X là người lớn tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Án phí phúc thẩm: nguyên đơn Đoàn Văn S không phải chịu.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[11] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Đoàn Văn S. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175, Điều 176, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 Luật Đất đai

Căn cứ khoản 4,5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về việc công nhận văn bản “Tờ hợp gia tộc có xác nhận của Ban nhân dân ấp B ngày 02/8/2010” là văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Công nhận cho ông Đoàn Văn S được quyền quản lý sử dụng và định đoạt đối với diện tích theo đo đạc thực tế 1.150 m² thuộc thửa 1097 tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 1107 và thửa 1108, tờ bản đồ số 04, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2000 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 214, tờ bản đồ số 42, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ bà Đoàn Thị L vào ngày 10/9/2013.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn S (Sảnh) về việc xác định thửa đất số 1107, diện tích 2.600m², đất 2L (đã bị thu hồi), thửa đất số 1108, diện tích 650m², đất LNK (đã đổi sang giấy mới với số thửa đất là 214, tờ bản đồ số 42, diện tích 710,3m², tọa lạc tại ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là di sản thừa kế do cụ Trần Thị H.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L. Xác định phần đất có diện tích 26,1m² là thuộc quyền sử dụng của hộ bà Đoàn Thị L, nằm trong thửa đất số 214, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 710,3m², diện tích theo đo đạc thực tế là 710,3m². Phần diện tích 26,1m² có tọa độ 3, 4, 7, 3 (có sơ đồ kèm theo).

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim A, bà Đoàn Thị X và bà Trần Thị N về yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 1097, tờ bản đồ số 4, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.150,0m², tọa lạc ấp B, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng do cụ Trần Thị H chết để lại.

6. Về chi phí tố tụng:

6.1. Nguyên đơn Đoàn Văn S phải chịu một phần chi phí tố tụng là 3.600.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ.

6.2. Bị đơn Đoàn Thị L, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X và Trần Thị N mỗi người phải chịu chi phí tố

tụng là 2.290.750 đồng. Do bà Trần Thị N đã nộp tạm ứng trước 9.163.000 đồng, nên Bà N được nhận lại số tiền nộp thừa là 6.872.250 đồng do các bà Đoàn Thị L, Nguyễn Thị Kim A, Đoàn Thị X giao nộp.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Nguyên đơn Đoàn Văn S phải chịu 600.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 600.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000881 và biên lai số 0000879 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho nguyên đơn Đoàn Văn S 3.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000880 và biên lai số 0000882 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

7.2. Bị đơn Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 theo biên lai thu số 0004242 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị L 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002560 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

7.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 1.750.000 đồng, bà N được nhận lại số tiền nộp thừa là 1.450.000 đồng theo biên lai thu số 0001015 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

7.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim A và bà Đoàn Thị X được miễn không phải nộp.

- Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn Đoàn Văn S không phải chịu, hoàn trả cho ông S 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008811 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bản án này có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS H.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thành